

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI ĐANG THI HÀNH 03 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành			Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
									Đang xác minh tài sản	Đang áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án	Đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Cộng			256	-	256	65.655.774	2.259.675	63.396.099	255	-	1	173	253	253	-
I	Phòng Nghiệp vụ		23		23	21.198.780	704.565	20.494.215	23	-	-	23	23	23	
1	09	20/03/2019	11	22/10/2021	Theo yêu cầu	92.511	-	92.511	x			01/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
2	22	25/03/2021	51	14/01/2022	Theo yêu cầu	11.073.000	10.000	11.063.000	x			02/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
3	21	11/03/2021	337	23/04/2021	Chủ động	10.000	-	10.000	x			03/12/2025	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
4	15	26/01/2022	79	04/03/2022	Chủ động	127.419	1.000	126.419	x			04/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
5	15	26/01/2022	81	04/03/2022	Chủ động	36.000	3.000	33.000	x			05/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
6	20	27/08/2020	193	23/08/2022	Chủ động	158.372	32.862	125.510	x			06/12/2025	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
7	29	30/09/2021	03	03/10/2022	Theo yêu cầu	175.100	10.000	165.100	x			07/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
8	09	05/06/2020	04	06/10/2022	Theo yêu cầu	6.426.048	-	6.426.048	x			08/12/2025	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
9	59	29/09/2022	30	25/10/2022	Chủ động	8.356	3.000	5.356	x			09/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
10	59	29/09/2022	31	25/10/2022	Chủ động	134.001	6.000	128.001	x			10/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
11	31	11/05/2022	77	01/12/2022	Chủ động	467.500	395.500	72.000	x			11/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
12	24	11/01/2023	137	17/02/2023	Chủ động	19.000	4.000	15.000	x			12/12/2025	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
13	69	07/09/2023	24	26/10/2023	Chủ động	180.000	3.000	177.000	x			13/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
14	79	26/09/2023	78	20/11/2023	Theo yêu cầu	52.000	30.000	22.000	x			14/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
15	17	03/10/2024	123	21/02/2024	Chủ động	240.000	90.000	150.000	x			15/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
16	01	12/09/2023	230	22/07/2024	Theo yêu cầu	225.800	90.000	135.800	x			16/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
17	05	27/09/2023	12	15/10/2024	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	x			17/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
18	337	27/06/2024	40	21/11/2024	Theo yêu cầu	291.000	-	291.000	x			18/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
19	24	22/11/2024	02	08/07/2025	Theo yêu cầu	1.366.059	-	1.366.059	x			19/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
20	01	26/11/2024	184	26/08/2025	Chủ động	6.411	-	6.411	x			20/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
21	02	29/08/2025	306	01/10/2025	Chủ động	50.000	26.000	24.000	x			21/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
22	41	11/09/2025	183	28/10/2025	Chủ động	2.000	-	2.000	x			22/12/2025	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
23	21	04/04/2025	407	02/12/2025	Chủ động	48.203	203	48.000	x			23/12/2025	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
II	Các Khu vực		233	-	233	44.456.994	1.555.110	42.901.884	232	-	1	150	230	230	-
II.1	Khu vực I		69	69	23.299.970	855.232	22.444.738	68	-	1	69	69	69	69	-
1	35	27/02/2025	243	4/3/2025	Chủ động	5.000	3.000	2.000	X			19/04/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
2	35	27/02/2025	244	4/3/2025	Chủ động	5.000	3.000	2.000	x			17/04/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
3	02	31/03/2025	272	4/28/2025	Theo yêu cầu	115.800	5.000	110.800	x			09/09/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
4	03	23/09/2021	52	12/28/2021	Theo yêu cầu	19.302	-	19.302	x			09/06/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
5	03	11/06/2024	133	7/4/2024	Chủ động	1	-	1	x			09/06/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
6	01	02/08/2023	04	10/18/2023	Theo yêu cầu	29.710	-	29.710	x			03/12/2024	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
7	08	05/01/2023	57	2/21/2023	Chủ động	3.000	-	3.000	x			10/06/2024	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
8	53	26/08/2024	82	4/1/2025	Theo yêu cầu	13.927	-	13.927	x			18/11/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
9	25	11/05/2007	20	10/8/2024	Chủ động	6.581	-	6.581	x			03/12/2024	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
10	08	13/11/2024	90	10/15/2025	Chủ động	30.000	7.500	22.500	x			26/03/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1	
11	01/2016/DSST	14/10/2016	62	11/22/2016	Theo yêu cầu	97.070	5.400	91.670			Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	22/07/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
12	01/2021/DSST	30/11/2021	227	5/19/2022	Theo yêu cầu	1.661.400	12.000	1.649.400	x			28/06/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
13	05/2023/DSST	08/08/2023	316	9/11/2023	Chủ động	37.110	500	36.610	x			03/11/2023	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
14	08/2023/HSST	05/01/2023	119	2/10/2023	Chủ động	25.000	3.000	22.000	x			22/08/2023	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
15	02/2023/DSST	22/11/2023	122	12/25/2023	Chủ động	31.500	-	31.500	x			23/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
16	06/2023/DSST	29/09/2023	160	2/20/2024	Theo yêu cầu	278.467	-	278.467	x			21/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
17	06/2023/DSST	29/09/2023	161	2/20/2024	Theo yêu cầu	354.334	-	354.334	x			21/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
18	02/2023/DSST	22/11/2023	234	5/10/2024	Theo yêu cầu	705.000	-	705.000	x			23/05/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
19	07/2024/DSST	19/09/2024	79	11/7/2024	Theo yêu cầu	431.495	-	431.495	x			25/11/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
20	04/2023/DSST	07/12/2023	207	4/15/2024	Theo yêu cầu	579.982	-	579.982	x			29/4/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
21	02/2024/DSST	28/11/2024	133	12/2/2024	Chủ động	47.725	-	47.725	x			19/12/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
22	02/2024/DSST	28/11/2024	139	1/13/2025	Theo yêu cầu	1.190.820	-	1.190.820	x			29/01/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
23	174/2024/HSST	19/12/2024	190	2/18/2025	Chủ động	1.605	-	1.605	x			06/3/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
24	06/2025/DSST	14/03/2025	259	4/15/2025	Chủ động	12.000	-	12.000	x			29/4/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
25	09/2024/DSST	26/09/2024	264	4/15/2025	Chủ động	300	-	300	x			29/4/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
26	06/2025/DSST	14/03/2025	293	5/19/2025	Theo yêu cầu	240.000	-	240.000	x			03/6/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
27	09/2024/DSST	26/09/2024	297	5/21/2025	Theo yêu cầu	14.000	-	14.000	x			03/6/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
28	04/2025/DSST	10/06/2025	319	6/13/2025	Chủ động	48.000	-	48.000	x			27/6/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
29	03/2023/DSST	21/08/2023	228	3/24/2025	Theo yêu cầu	175.500	5.000	170.500	x			20/5/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
30	59/2025/HSST	04/06/2025	31	7/11/2025	Chủ động	72.900	-	72.900	x			29/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
31	59/2025/HSST	04/06/2025	32	7/11/2025	Chủ động	33.900	7.000	26.900	x			29/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
32	01/2025/DSST	06/03/2025	71	7/18/2025	Chủ động	12.500	-	12.500	x			07/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
33	59/2022/HSST	24/08/2022	124	30/7/2025	Theo yêu cầu	5.627	-	5.627	x			12/8/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
34	08/2025/HSST	29/7/2025	227	08/9/2025	Chủ động	1.100	-	1.100	x			24/9/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
35	01/2025/KDTM	14/8/2025	284	18/9/2025	Chủ động	114.729	-	114.729	x			30/9/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
36	01/2017/QĐST-HNGĐ	10/03/2017	124	23/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			23/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
37	91/2018/QĐST-HNGĐ	20/09/2018	393	21/11/2025	Theo yêu cầu	24.000	1.500	22.500	x			21/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
38	48/2021/QĐST-HNGĐ	12/05/2021	119	22/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	6.000	18.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
39	01/2019/QĐST-HNGĐ	15/01/2019	116	22/10/2025	Theo yêu cầu	18.000	4.500	13.500	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
40	93/2019/QĐST-HNGĐ	14/11/2019	117	22/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	6.000	6.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
41	30/2019/QĐST-HNGĐ	16/05/2019	120	22/10/2025	Theo yêu cầu	36.000	9.000	27.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
42	43/2017/QĐST-HNGĐ	04/07/2017	118	22/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	6.000	18.000	x			22/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
43	41/2012/QĐST-HNGĐ	08/08/2012	315	10/11/2025	Theo yêu cầu	12.000	3.000	9.000	x			10/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
44	49/2019/QĐST-HNGĐ	28/06/2019	104	20/10/2025	Theo yêu cầu	36.000	9.000	27.000	x			20/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
45	04/2025/DSST	29/09/2025	415	03/12/2025	Theo yêu cầu	11.024.724	-	11.024.724	x			04/12/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
46	11/2022/QĐST-HNGĐ	20/12/2022	110	20/10/2025	Theo yêu cầu	24.000	-	24.000	x			20/10/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
47	04/2025/DSST	29/09/2025	390	21/11/2025	Chủ động	119.324	300	119.024	x			10/12/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
48	01/2025/QĐ-BPKCTT	25/11/2025	403	26/11/2025	Chủ động	1	-	1	x			26/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
49	05/2023/DSST	08/08/2023	488	22/12/2025	Theo yêu cầu	937.000	-	937.000	x			22/12/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
50	02/2025/DSST	24/09/2025	195	31/10/2025	Chủ động	34.459	-	34.459	x			17/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
51	06/2025/DSPT	05/06/2025	107	20/10/2025	Theo yêu cầu	250.000	-	250.000	x			30/12/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
52	18/2025/HSST	27/08/2025	57	10/10/2025	Chủ động	200	-	200	x			01/11/2025	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1	
53	106	06/09/2024	124	12/27/2024	Theo yêu cầu	100.000	-	100.000	x			17/11/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
54	102	17/03/2023	57	10/31/2024	Theo yêu cầu	46.000	3.000	43.000	x			02/12/2024	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
55	11	30/09/2024	71	11/5/2024	Theo yêu cầu	1.075.475	718.218	357.257	x			09/12/2024	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
56	14	15/01/2025	191	2/18/2025	Chủ động	19.000	3.000	16.000	x			05/03/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
57	101	21/03/2022	179	4/8/2022	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	x			02/07/2024	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
58	10	30/10/2024	150	1/17/2025	Theo yêu cầu	925.900	5.000	920.900	x			18/06/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
59	12	05/01/2022	197	2/24/2025	Theo yêu cầu	1.042.838	1.714	1.041.124	x			20/05/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
60	1	29/12/2023	206	4/15/2024	Theo yêu cầu	16.000	13.800	2.200	x			21/02/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
61	1	13/05/2025	323	6/17/2025	Chủ động	20.648	-	20.648	x			27/06/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
62	66	14/05/2025	328	6/27/2025	Chủ động	76.000	-	76.000	x			23/07/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
63	16	18/08/2010	98	10/20/2025	Theo yêu cầu	7.200	1.800	5.400	x			23/07/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
64	92	14/11/2019	130	10/23/2025	Theo yêu cầu	24.000	4.000	20.000	x			27/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
65	7	13/05/2017	141	10/23/2025	Theo yêu cầu	24.000	4.000	20.000	x			27/10/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
66	1	05/09/2025	155	10/24/2025	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	x			10/11/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
67	22	31/01/2024	199	10/31/2025	Theo yêu cầu	62.000	4.000	58.000	x			05/11/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
68	1	13/05/2025	203	10/31/2025	Theo yêu cầu	416.216	-	416.216	x			17/11/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	
69	1	29/03/2023	483	12/18/2025	Theo yêu cầu	421.600	-	421.600	x			06/08/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
II.2	Khu vực 2		86		86	16.757.101	101.675	16.655.426	86	-	-	75	85	85	
1	21/2024/HSST	23/12/2024	128	08/01/2025	Theo yêu cầu	25.000	12.500	12.500	x						
2	02/2021/QĐST-DS	21/12/2021	109	17/02/2022	Theo yêu cầu	6.624	4.000	2.624	x			21/04/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	02/2023/QĐST-DS	16/02/2023	228	03/07/2023	Theo yêu cầu	431.500	10.500	421.000	x			10/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
4	120/2023/HS-ST	23/08/2023	19	16/10/2023	Chủ động	24.185	2.000	22.185	x			21/07/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	01/2023/DS-ST	15/08/2023	26	16/10/2023	Chủ động	4.227	-	4.227	x			18/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
6	01/2023/DS-ST	15/08/2023	91	23/11/2023	Theo yêu cầu	344.232	-	344.232	x			18/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
7	53/2023/HSST	05/04/2023	105	05/12/2023	Chủ động	69.000	4.000	65.000	x			15/04/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
8	03/2021/QĐST-DS	24/12/2021	170	09/04/2024	Theo yêu cầu	44.500	2.000	42.500	x			06/08/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
9	07/2019/QĐST-DS	21/08/2024	171	09/04/2024	Theo yêu cầu	104.000	-	104.000	x			23/05/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
10	03/2024/DSTC-TC	24/05/2024	292	07/08/2024	Theo yêu cầu	15.311	600	14.711	x			22/11/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
11	10/2024/DS-ST	30/09/2024	53	08/11/2024	Chủ động	72.643	-	72.643	x			28/11/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
12	08/2024/DS-ST	20/09/2024	93	05/12/2024	Theo yêu cầu	1	-	1	x			26/12/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
13	10/2024/DS-ST	30/09/2024	98	17/12/2024	Theo yêu cầu	2.035.170	-	2.035.170	x			29/12/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
14	01/2024/DS-PT	27/12/2024	137	06/02/2025	Chủ động	1.874	300	1.574	x			07/03/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
15	06/2020/QĐST-DS	03/09/2020	158	18/02/2025	Theo yêu cầu	98.600	2.100	96.500	x			22/11/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
16	01/2024/DS-PT	27/12/2024	159	20/02/2025	Theo yêu cầu	25.000	-	25.000	x			26/12/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
17	04/2025/DS-PT	11/04/2025	202	06/05/2025	Chủ động	2.022	-	2.022	x			20/05/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
18	04/2025/DS-PT	11/04/2025	203	06/05/2025	Chủ động	2.504	-	2.504	x			20/05/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
19	04/2020/DS-ST	21/05/2020	191	22/05/2020	Theo yêu cầu	942.748	4.836	937.912	x			05/07/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
20	08/2021/HNGĐ-ST	27/09/2021	61	06/12/2021	Theo yêu cầu	866.412	4.464	861.948	x			05/07/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
21	01/2018/DS-ST	22/11/2018	261	22/08/2019	Theo yêu cầu	4.076	3.100	976	x			28/11/2023	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
22	07/2017/QĐST-DS	27/09/2017	08	05/10/2017	Chủ động	17.500	3.000	14.500	x			20/01/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
23	09/2024/QĐST-HNGĐ	11/04/2024	162	20/08/2025	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	x			04/09/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
24	01/2025/DSST-TC	08/08/2025	139	23/10/2025	Theo yêu cầu	110.000	-	110.000	x			16/04/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
25	01/2025/DSST-TC	09/08/2025	152	24/10/2025	Theo yêu cầu	1	-	1	x			27/04/2023	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
26	11/2025/DSPT	25/09/2025	169	24/10/2025	Chủ động	5.800	600	5.200	x			31/08/2021	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
27	01/2024/QĐST-HNGĐ	01/11/2024	177	28/10/2025	Theo yêu cầu	12.000	2.000	10.000	x			31/08/2021	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
28	03/2025/DSST	26/09/2025	231	03/11/2025	Chủ động	36.000	-	36.000	x			31/01/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
29	02/2025/QĐĐC NHGT	11/09/2025	250	04/11/2025	Theo yêu cầu	200.000	8.000	192.000	x			10/05/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
30	55/2025/HSST	29/09/2025	272	04/11/2025	Chủ động	900	-	900	x			05/09/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
31	02/2025/QĐST-HNGĐ	19/08/2025	462	15/12/2025	Chủ động	300	150	150	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	Trà tiền TU'AP
32	05/2022/QĐST-DS	07/01/2022	464	12/12/2025	Theo yêu cầu	225.160	-	225.160	x			29/05/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
33	03/2017/QĐST-DS	04/06/2017	36	05/01/2018	Theo yêu cầu	5.500	-	5.500	x			16/04/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
34	19/2019/HNGĐ	22/05/2019	143	21/06/2021	Theo yêu cầu	13.800	-	13.800	x			27/04/2023	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
35	01/2021/QDST-DS	11/03/2021	192	06/09/2021	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			31/08/2021	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
36	01/QDST-DS	11/03/2021	127	01/06/2021	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			31/08/2021	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
37	02/2023/DSST	27/06/2023	240	03/08/2023	Theo yêu cầu	26.026	-	26.026	x			31/01/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
38	01/2020/DSST	07/02/2020	112	16/01/2024	Theo yêu cầu	241.500	-	241.500	x			10/05/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
39	02/QDDS-ST	22/08/2023	128	26/02/2024	Theo yêu cầu	2.500	-	2.500	x			05/09/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
40	03/2023/DSST	29/09/2023	168	09/04/2024	Chủ động	1	-	1	x			09/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
41	03/QĐCNHGT-DS	08/12/2023	186	09/05/2024	Chủ động	15.000	-	15.000	x			29/05/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
42	01/2024/QĐST-DS	22/04/2024	233	15/07/2024	Theo yêu cầu	11.998	-	11.998	x			16/08/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
43	05/QĐCNHGT-DS	03/06/2024	234	25/07/2024	Theo yêu cầu	90.000	-	90.000	x			31/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
44	07/QĐCNHGT-DS	01/08/2024	262	12/08/2024	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	x			22/08/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
45	01/2019/DSST	30/08/2019	265	26/08/2024	Theo yêu cầu	80.996	-	80.996	x			05/09/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
46	07/QDST-DS	07/09/2023	12	12/08/2024	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	x			05/09/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
47	15/QĐST-HNGĐ	19/03/2014	18	30/09/2024	Theo yêu cầu	6.000	-	6.000	x			27/08/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
48	34/2017/HNGĐ	15/09/2017	128	25/02/2025	Theo yêu cầu	27.860	-	27.860	x			26/10/2022	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
49	37/2025/HSST	17/02/2025	140	25/03/2025	Chủ động	3.000	-	3.000	x			26/10/2022	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
50	02/2025/DS-ST	03/06/2025	46	11/07/2025	Theo yêu cầu	3.891	-	3.891	x			21/07/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
51	01/2025/QĐST-KDTM	26/06/2025	02	21/07/2025	Theo yêu cầu	666.700	15.000	651.700	x			12/08/2025	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 3	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
52	02/2025/DS-ST	03/06/2025	60	14/07/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
53	02/2025/DS-ST	03/06/2025	61	14/07/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
54	254/2023/HSST	11/09/2023	111	20/10/2025	Chủ động	19.570	-	19.570	x			08/08/2023	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
55	13/2025/HSST	14/08/2025	168	24/10/2025	Chủ động	5.520	5.020	500	x			15/09/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
56	01/2024/QĐCN HGT-DS	12/12/2024	133	23/10/2025	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	x			16/07/2024	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
57	43/2025/HSST	23/09/2025	234	03/11/2025	Chủ động	200	-	200	x			05/08/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
58	28/2025/HSST	10/09/2025	308	10/11/2025	Chủ động	8.585	7.000	1.585	x			30/07/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
59	04/2025/QĐST-HNGĐ	19/08/2025	350	14/11/2025	Chủ động	300	150	150	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 3	Trả tiền TU'AP
60	05/2025/QĐST-HNGĐ	19/08/2025	352	14/11/2025	Chủ động	300	150	150	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
61	01/2025/QĐHC-ST	30/09/2025	359	14/11/2025	Chủ động	300	-	300	x			18/06/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
62	06/2025/QĐST-HNGĐ	20/08/2025	364	14/11/2025	Chủ động	300	150	150	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
63	249/2023/HSST	28/09/2023	389	20/11/2025	Chủ động	200	-	200	x			08/07/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
64	02/2025/QĐST-HNGĐ	26/05/2025	458	15/12/2025	Chủ động	13.985	-	13.985	x			25/04/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
65	03/2025/QĐST-HNGĐ	01/12/2025	459	14/07/2025	Chủ động	300	-	300	x			18/06/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
66	04/2025/QĐST-HNGĐ	01/12/2025	460	24/09/2025	Chủ động	300	150	150	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
67	65/2025/HSST	26/06/2025	490	24/09/2025	Chủ động	300	150	150	x				Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	Trả tiền TU'AP
68	02/2025/QĐCN HGT-DS	17/11/2025	491	24/09/2025	Theo yêu cầu	3.100.111	-	3.100.111	x			25/04/2025	Lý Ngọc Hiểu	Khu vực 2	
69	01/2020/QĐST-DS	16/11/2020	138	13/05/2022	Theo yêu cầu	115.000	-	115.000	x			18/06/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
70	03/2023/QĐST-DS	08/12/2023	186	09/05/2024	Theo yêu cầu	15.000	2.000	13.000	x			15/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
71	05/2023/DS-ST	28/06/2023	201	03/06/2024	Theo yêu cầu	11.505	-	11.505	x			08/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
72	91/2024/HSST	26/09/2024	99	10/02/2025	Theo yêu cầu	12.500	-	12.500	x			25/04/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
73	01/2025/DS-ST	17/01/2025	135	17/03/2025	Theo yêu cầu	1.430.000	-	1.430.000	x			18/06/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
74	332/2024/HSST	30/12/2024	143	09/04/2025	Chủ động	1.750	-	1.750	x			15/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
75	03/2023/DS-ST	08/12/2023	151	12/08/2025	Chủ động	500	-	500	x			08/07/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
76	03/2023/DS-ST	08/12/2023	151	12/08/2025	Theo yêu cầu	13.000	-	13.000	x			05/09/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 3	
77	08/2025/DS-ST	12/08/2025	89	15/10/2025	Chủ động	56.352	-	56.352	x			09/07/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
78	08/2025/DS-ST	12/08/2025	89	15/10/2025	Theo yêu cầu	4.707.262	-	4.707.262	x			29/05/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
79	33/2025/HSST	22/09/2025	240	03/11/2025	Chủ động	2.200	2.000	200	x			23/11/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
80	29/2025/HSST	10/09/2025	242	03/11/2025	Chủ động	6.000	-	6.000	x			31/07/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
81	20/2025/HSST	09/09/2025	247	04/11/2025	Chủ động	-	-	-	x			22/08/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
82	01/2025/QĐST-HNGĐ	04/11/2025	453	10/12/2025	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả tiền TƯ/AP
83	01/2010/QĐST-HNGĐ	27/10/2010	28	29/11/2010	Chủ động	5.004	-	5.004	x			05/09/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
84	24/2026/QĐST-HNGĐ	08/09/2016	121	23/10/2025	Theo yêu cầu	34.500	1.500	33.000	x			27/08/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
85	01/2025/QĐHC-ST	30/09/2025	357	14/11/2025	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	Trả tiền TƯ/AP
86	07/2024/DS-PT	16/07/2025	504	29/12/2025	Chủ động	4.995	4.255	740	x			26/10/2022	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
II.3	Khu vực 3		28		28	2.810.173	159.150	2.651.023	28	-	-	6	28	28	
1	03/2024/QĐST-DS	19/07/2024	200	01/08/2024	Chủ động	25.446	21.000	4.446	X			26/02/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Dực
2	02/2023/DSST	29/09/2023	0 2	07/12/2023	Theo yêu cầu	642.825	30.000	612.825	x			04/09/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Quý
3	02/2023/DSST	29/09/2023	31	02/11/2023	Chủ động	29.713	-	29.713	x			04/09/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực3	Quý
4	04/2024/DSST	19/07/2024	100	02/11/2023	Theo yêu cầu	803.673	-	803.673	x			14/12/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Thu
5	01/2025/DSST	30/08/2016	430	01/08/2024	Chủ động	8.663	-	8.663	x			14/12/2025	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Sơn
6	57/2016/DSST	30/08/2016	437	01/08/2024	Theo yêu cầu	4.800	-	4.800	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Đĩa
7	21/2025/HNGĐ	18/12/2024	478	08/04/2025	Chủ động	300	150	150	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Phúc
8	01/2025/HSST	18/12/2024	397	08/04/2025	Chủ động	-	-	-	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	Ngân
9	01/2025/HSST	18/12/2024	109	10/03/2025	Chủ động	10.000	1.500	8.500	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Ba
10	12	14/02/2024	115	08/04/2025	Theo yêu cầu	-	-		x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Cty
11	5	11/03/2021	103	20/10/2025	Theo yêu cầu	10.000	1.000	9.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Bình
12	1	29/05/2025	105	20/10/2025	Theo yêu cầu	133.000	-	133.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Tài
13	3	24/10/2012	109	20/10/2025	Theo yêu cầu	10.000	1.000	9.000	X			29/04/2025	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Chính
14	3	24/10/2012	109	20/10/2025	Theo yêu cầu	18.000	4.500	13.500	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Phong
15	19	27/08/2025	405	27/11/2025	Theo yêu cầu	19.500	-	19.500	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	Sénh
16	39a	26/09/2025	20	07/10/2025	Chủ động	150	-	150	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Lan

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
17	44	19/04/2021	102	20/10/2025	Theo yêu cầu	22.491	-	22.491	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Đanh
18	2	15/12/2015	99	20/10/2025	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Sô
19	17	30/09/2025	267	04/11/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Mây
20	1	19/08/2025	289	06/11/2025	Theo yêu cầu	462.215	-	462.215	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Liền
21	1	20/11/2024	375	19/11/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Dung
22	1	19/08/2025	286	05/11/2025	Chủ động	21.576	-	21.576	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Liền
23	12	19/11/2025	398	24/11/2025	Chủ động	150	-	150	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Tuyết
24	10	19/11/2025	399	24/11/2025	Chủ động	150	-	150	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Sang
25	14	21/11/2025	404	27/11/2025	Chủ động	150	-	150	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Khuyên
26	13	21/11/2025	429	04/12/2025	Chủ động	150	-	150	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Sự
27	3	09/12/2025	474	18/12/2025	Chủ động	300	-	300	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Luyện
28	1	20/02/2016	15	11/05/2017	Theo yêu cầu	566.321	100.000	466.321	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS khu vực 3	Trung
II.4	Khu vực 4		50		50	1.589.750	439.053	1.150.697	50	-	-	-	48	48	
1	01	31/08/2016	37	12/13/2021	Theo yêu cầu	31.500	-	31.500	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
2	04	08/03/2021	66	11/16/2023	Theo yêu cầu	68.000	7.000	61.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
3	06	25/03/2021	56	1/6/2022	Theo yêu cầu	199.260	19.000	180.260	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
4	14	07/07/2017	76	12/11/2023	Theo yêu cầu	24.000	6.000	18.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
5	07	02/04/2021	65	1/17/2022	Theo yêu cầu	262.610	24.000	238.610	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
6	02	27/05/2014	05	10/6/2014	Theo yêu cầu	177.630	146.000	31.630	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
7	43	23/01/2024	128	2/29/2024	Chủ động	23.000	8.000	15.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
8	02	26/09/2024	130	3/14/2025	Chủ động	1.150	300	850	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
9	26	15/01/2025	95	3/3/2025	Chủ động	9.860	5.000	4.860	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
10	01	19/03/2024	132	3/25/2024	Chủ động	10.101	-	10.101	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
11			128	10/4/2021	Theo yêu cầu	23.000	8.000	15.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
12	01	17/07/2023	15	10/6/2023	Theo yêu cầu	153.800	120.800	33.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
13	95	28/09/2021	50	12/12/2024	Theo yêu cầu	48.000	-	48.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
14	116	27/09/2022	15	11/11/2022	Chủ động	31.340	-	31.340	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
15	37	16/01/2025	108	3/3/2025	Chủ động	28.640	200	28.440	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
16	04	07/11/2024	56	12/18/2024	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
17	51	16/05/2011	135	4/5/2024	Chủ động	4.250	-	4.250	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
18	04	28/11/2016	134	4/5/2024	Chủ động	21.881	-	21.881	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
19	12	02/10/2019	69	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
20	14	30/06/2020	68	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
21	28	15/01/2025	99	3/3/2025	Chủ động	100	-	100	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
22	02	26/9/2024	130	3/14/2025	Chủ động	850	-	850	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
23	01	29/01/2021	72	12/27/2024	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
24	98	27/06/2025	142	07/8/2025	Chủ động	200	-	200	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
25	04	07/11/2024	56	12/18/2024	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
26	44	23/9/2025	224	31/10/2025	Chủ động	5.751	5.551	200	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
27	06	27/01/2025	285	05/11/2025	Theo yêu cầu	24.000	14.000	10.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
28	21	15/8/2025	303	07/11/2025	Chủ động	100	-	100	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	Chào Văn Bình
29	75	24/04/2025	305	07/11/2025	Chủ động	2	-	2	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	Hiển
30	14	07/07/2017	391	21/11/2025	Theo yêu cầu	24.000	-	24.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
31	04	28/11/2016	137	4/5/2024	Theo yêu cầu	42.273	500	41.773	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
32	40	23/9/2025	228	31/10/2025	Chủ động	82.500	-	82.500	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
33	06	28/06/2025	440	10/12/2025	Chủ động	600	300	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
34	07	26/8/2025	444	10/12/2025	Chủ động	300	150	150	x						
35	03	16/06/2025	442	10/12/2025	Chủ động	300	-	300	x						
36	152	27/09/2023	64	11/7/2023	Chủ động	15.000	10.000	5.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
37	80	25/07/2024	191	8/29/2024	Chủ động	75.802	49.002	26.800	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
38	80	25/07/2024	193	8/29/2024	Chủ động	25.000	8.000	17.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
39	141	25/09/2023	49	11/2/2023	Chủ động	15.000	-	15.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
40	08	05/05/2025	65	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
41	04	04/05/2019	66	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
42	134	19/09/2023	31	10/30/2023	Chủ động	26.000	-	26.000	x				Đèo Văn Minh		
43	01	19/01/2021	83	3/5/2021	Chủ động	15.750	300	15.450	x				Đèo Văn Minh		
44	48	21/01/2025	124	3/3/2025	Chủ động	12.000	-	12.000	x				Đèo Văn Minh		
45	06	10/06/2025	54	6/11/2025	Chủ động	300	150	150	x				Chu Gó Xê		
46	32	25/07/2016	42	4/10/2025	Theo yêu cầu	500	-	500	x				Chu Gó Xê		
47	16	22/04/2025	51	5/26/2025	Chủ động	17.200	200	17.000	x				Chu Gó Xê		
48	04	01/03/2012	178	22/8/2025	Theo yêu cầu	11.000	6.000	5.000	x				Chu Gó Xê		
49	02	19/8/2025	471	18/12/2025	Theo yêu cầu	75.000	-	75.000	x				Chu Gó Xê		
50	01	30/07/2025	267	17/9/2025	Chủ động	100	-	100	x				Chu Gó Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

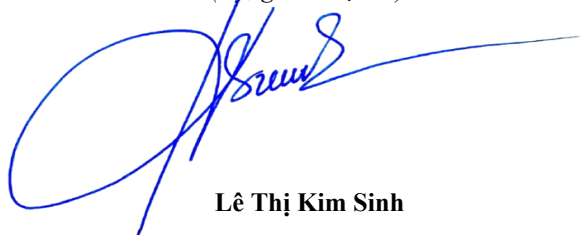
Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9,12, 13, 14
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 10, 11

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI HOẢN THI HÀNH ÁN THEO ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 48 03 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Cộng			-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Phòng Nghiệp vụ		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1														
II	Các Khu vực		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II.1	Khu vực 1													
1														
II.2	Khu vực 2													
1								-						
II,3	Khu vực 3													
1								-						
II,4	Khu vực 3													
1								-						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

Lưu ý:

- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

**DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI HOẢN THI HÀNH ÁN (TRỪ ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 48
03 THÁNG NĂM 2026**

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm nhận được yêu cầu hoãn	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Cộng			4		4	1.051.386	-	1.051.386	4	4	4	4	1	
I	Phòng Nhãn vụ		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
II	Các Khu vực	4	4		4	1.051.386	-	1.051.386	4	4	4	4	1	
II.1	Khu vực 1	4	4		4	1.051.386	-	1.051.386	4	4	4	4	1	
1	12	21/06/2024	308	29/07/2024	Chủ động	40.500	-	40.500	Điểm d K1 Điều 48	21/04/2025	21/04/2025	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS KV 1	
2	12	21/06/2024	313	31/07/2024	Theo yêu cầu	830.000	-	830.000	Điểm d K1 Điều 48	21/04/2025	21/04/2025	Bùi Quốc Tuấn		
3	13	1/6/2025	217	3/18/2025	Theo yêu cầu	172.273	-	172.273	Điểm d K1 Điều 48	4/21/2025	4/21/2025	Bùi Quốc Tuấn		
4	13	1/6/2025	181	2/11/2025	Chủ động	8.613	-	8.613	Điểm d K1 Điều 48	4/21/2025	4/21/2025	Bùi Quốc Tuấn		
5								-						
II.2	Khu vực 2	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
3								-						

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

Lưu ý:

- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI TẠM ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN 03 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ tạm đình chỉ thi hành án	Tạm đình chỉ theo kháng nghị người có thẩm quyền			Cơ quan Thi hành án dân sự tạm đình chỉ			Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
										Số văn bản kháng nghị	Ngày tháng năm	Người ban hành văn bản (họ tên, chức vụ)	Số quyết định	Ngày tháng năm	Ngày nhận thông báo của Tòa án về thụ lý đơn yêu cầu phá sản			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Cộng			-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Phòng Nghiệp vụ		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-										
2								-										
3								-										
II	Các Khu vực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II.1	Khu vực 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-										
2								-										
3								-										
II.1	Khu vực 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-										
2								-										
3								-										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

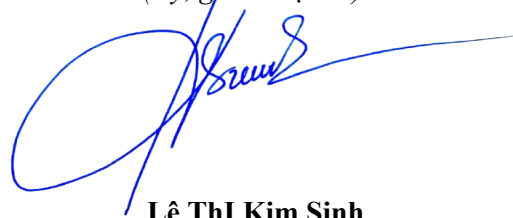
- Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
 - Nếu căn cứ là Khoản 1 Điều 49 thì cập nhập thông tin vào các cột 10, 11, 12; nếu căn cứ là Khoản 2 Điều 49 thì cập nhập thông tin các cột 13, 14, 15
 - Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13
 - Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI TRƯỜNG HỢP KHÁC 03 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành	Ngày tháng năm	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)
Cộng			-		-	-	-	-	-		-	-	
I	Phòng Nghiệp vụ		-		-	-	-	-	-		-	-	
1								-					
2								-					
3								-					
II	Các Khu vực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II.1	Khu vực 1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-					
2								-					
3								-					
II.2	Khu vực 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-					
2								-					
3								-					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hương

Lưu ý:

- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
- Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 11, 12
- Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9
- Cột 10: chỉ ghi ngày tháng năm đối với 02 trường hợp là ngày ra quyết định tạm dừng để giải quyết khiếu nại và ngày theo văn bản đang chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền
- Khi lý do chưa thi hành là "Đang trong thời gian tự nguyện" thì không cần ghi ngày tháng năm ở bên cạnh

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH 03 THÁNG NĂM 2026

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm đăng tải lên Trang thông tin điện tử	Số lần xác minh từ khi ra quyết định THA	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
Cộng			86		86	63.861.600	561.315	63.300.285	86	86	86	86	86	86	86	
I	Phòng Nghiệp vụ		20		20	50.133.731	-	50.133.731	20	20	20	20	20	20	20	
1	17	27/12/2009	47	14/05/2019	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/02/2025	15/03/2024	15/03/2024	Lần 4	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp vụ kiểm tra & giám sát thi hành án	
2	06	17/12/2021	56	26/01/2022	Chủ động	25.000	-	25.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/02/2025	15/03/2024	15/03/2024	Lần 3	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp vụ kiểm tra & giám sát thi hành án	
3	52	25/06/2014	12	09/05/2016	Theo yêu cầu	6.500	-	6.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/12/2025	04/06/2025	05/06/2025	Lần 7	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
4	04	03/12/2021	50	12/02/2022	Chủ động	25.600	-	25.600	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/12/2025	13/04/2022	13/04/2022	Lần 5	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
5	18	24/02/2022	117	18/04/2022	Chủ động	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/10/2025	18/04/2025	18/04/2025	Lần 6	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
6	20	27/08/2020	39	01/11/2022	Chủ động	40.423.672	-	40.423.672	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/09/2025	17/09/2025	18/09/2025	Trên lần 20	Đỗ Quốc Khánh	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
7	26	16/01/2023	144	21/02/2023	Chủ động	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/11/2025	07/05/2025	07/05/2025	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
8	73	17/09/2023	30	26/10/2023	Chủ động	24.000	-	24.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	23/12/2024	20/11/2025	20/11/2025	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
9	16	28/12/2023	166	27/03/2024	Theo yêu cầu	500.000	-	500.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/06/2024	08/07/2024	09/07/2024	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
10	34	27/03/2024	02	02/10/2024	Theo yêu cầu	170.000	-	170.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/04/2025	18/04/2025	18/04/2025	Lần 3	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
11	74	29/08/2024	06	02/10/2024	Theo yêu cầu	54.000	-	54.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/11/2025	19/11/2024	19/11/2024	Lần 2	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
12	04	24/09/2024	38	13/11/2024	Theo yêu cầu	135.000	-	135.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	16/05/2025	20/05/2025	21/05/2025	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
13	13	26/02/2025	60	11/04/2025	Chủ động	363.031	-	363.031	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/11/2025	20/05/2025	21/05/2025	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	
14	53	28/04/2008	84	20/06/2025	Theo yêu cầu	60.000	-	60.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/04/2025	20/05/2025	21/05/2025	Lần 2	Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án	

15	75	04/09/2024	116	25/07/2025	Theo yêu cầu	28.898	-	28.898	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/08/2025	28/08/2025	28/08/2025	Lần 1	Đỗ Quốc Khánh	Phòng TN&MT và tổ chức thi	
16	41	25/07/2025	14	06/10/2025	Chủ động	3.731.785	-	3.731.785	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/11/2025	10/11/2025	12/11/2025	Lần 2	Nguyễn Khuông Thương	Phòng TN&MT và tổ chức thi	
17	41	25/07/2025	15	06/10/2025	Chủ động	1.244.650	-	1.244.650	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/11/2025	10/11/2025	11/11/2025	Lần 1	Nguyễn Khuông Thương	Phòng TN&MT và tổ chức thi	
18	09	15/01/2025	93	15/10/2025	Chủ động	96.412	-	96.412	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/10/2025	24/11/2025	24/11/2025	Lần 1	Hà Thị Thu Hiền	Phòng TN&MT và tổ chức thi	
19	09	15/01/2025	95	16/10/2025	Theo yêu cầu	2.950.433	-	2.950.433	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/10/2025	24/11/2025	24/11/2025	Lần 1	Hà Thị Thu Hiền	Phòng TN&MT và tổ chức thi	
20	41	11/09/2025	325	13/11/2025	Theo yêu cầu	29.750	-	29.750	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/12/2025	19/12/2025	19/12/2025	Lần 2	Đỗ Quốc Khánh	Phòng TN&MT và tổ chức thi	
II	Các Khu vực		66		66	13.727.869	561.315	13.166.554	66	66	66	66	66	66	66	9
II.1	Khu vực 1		13		13	7.172.337	528.140	6.644.197	13	13	13	13	13	13	13	
1	01	9/8/2022	27	10/23/2024	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/12/2025	5/13/2025	5/13/2025	Lần 3	Trần Văn Dũng	Phòng THADSKV 1	
2	81	8/22/2024	48	12/18/2024	Chủ động	5.200	-	5.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/19/2025	6/20/2025	6/20/2025	Lần 5	Trần Văn Dũng	Phòng THADSKV 1	
3	51	9/28/2021	51	12/28/2021	Chủ động	47.601	-	47.601	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/14/2025	5/15/2025	5/15/2025	Lần 2	Trần Văn Dũng	Phòng THADSKV 1	
4	473/2022/HSST	11/18/2022	03/QĐ-CCTHADS	10/3/2023	Chủ động	59.250	-	59.250	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2024	8/13/2024	8/13/2024	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADSKV 1	
5	QĐST-11/2024	5/29/2023	185/QĐ-CCTHADS	3/18/2024	Chủ động	2.603	-	2.603	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 3	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADSKV 1	
6	KDTMS	9/30/2024	151/QĐ-CCTHADS	1/22/2025	Chủ động	105.889	-	105.889	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADSKV 1	
7	KDTMS	9/30/2024	183/QĐ-CCTHADS	2/13/2025	Theo yêu cầu	3.694.497	-	3.694.497	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADSKV 1	
8	6	8/23/2024	149	1/17/2025	Theo yêu cầu	1.240.000	-	1.240.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/22/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
9	6	8/23/2024	148	1/17/2025	Chủ động	49.800	600	49.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/22/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
10	105	6/28/2024	323	8/12/2024	Theo yêu cầu	1.171.600	527.540	644.060	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/6/2024	11/7/2024	11/7/2024	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
11	4	3/10/2025	207	3/10/2025	Theo yêu cầu	552.797	-	552.797	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/20/2025	8/21/2025	8/21/2025	Lần 2	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
12			9	10/1/2021	Theo yêu cầu	39.000	-	39.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/20/2025	8/21/2025	8/21/2025	Lần 2	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
13			141	7/16/2021	Chủ động	4.100		4.100	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/20/2025	8/21/2025	8/21/2025	Lần 2	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADSKV 1	
II.1	Khu vực 2	35	35	35	35	2.304.565	10.375	2.294.190	35	35	35	35	35	35	35	
1	56	20/04/2021	205	13/05/2023	Chủ động	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/06/2024	21/06/2024	14/05/2024	Lần 2	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
2	126	21/12/2023	230	03/06/2024	Theo yêu cầu	4.956	-	4.956	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	26/05/2024	01/07/2024	18/01/2024	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	25	19/05/2023	173	07/03/2025	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/03/2025	27/03/2025	27/03/2005	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	

4	01	30/12/2022	183	18/05/2023	Theo yêu cầu	44.500	-	44.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/11/2023	14/12/2023	20/09/2024	Lần 3	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	112	22/08/2023	30	19/10/2023	Theo yêu cầu	18.000	-	18.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	20/05/2024	20/11/2023	20/09/2024	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
6	29/HSST	20/01/2022	110	02/03/2022	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	05/04/2023	06/04/2022	20/05/2022	Lần 6	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
7	36/HNG Đ-ST	08/09/2022	157	24/04/2023	Theo yêu cầu	24.000	-	24.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/11/2023	15/05/2023	15/05/2023	Lần 5	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
8	16/HSPT	14/07/2020	51	31/10/2023	Theo yêu cầu	208.500	-	208.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/01/2024	23/02/2024	23/02/2024	Lần 4	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
9	01/QĐST-DS	25/04/2024	185	09/05/2024	Theo yêu cầu	25.000	-	25.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/07/2024	15/07/2024	15/07/2024	Lần 3	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
10	55/HSST	25/04/2024	213	10/06/2024	Chủ động	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/09/2024	30/09/2024	30/09/2024	Lần 6	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
11	40/2011/HSTT	30/06/2011	105	02/08/2011	Chủ động	9.800	-	9.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	30/10/2025	30/09/2023	30/09/2024	Lần 7	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
12	15/2016/HSST	13/05/2016	109	15/06/2016	Chủ động	17.750	-	17.750	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/01/2025	15/07/2025	15/07/2025	Lần 12	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
13	03/HSST	06/01/2021	101	02/04/2021	Chủ động	950	-	950	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	27/04/2023	08/06/2021	08/06/2021	Lần 7	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
14	04/QĐST-DS	03/05/2017	16	17/11/2017	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/06/2023	13/12/2017	13/12/2017	Lần 10	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
15	04/QĐST-DS	03/05/2017	13	05/10/2017	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	06/06/2023	07/11/2017	07/11/2017	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
16	58/QĐST-DS	28/08/2014	15	28/10/2014	Theo yêu cầu	16.642	-	16.642	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/05/2023	27/07/2022	27/07/2022	Lần 11	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
17	32/HSST	01/03/2013	147	12/07/2021	Theo yêu cầu	11.200	-	11.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/05/2024	17/05/2024	17/05/2024	Lần 9	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
18	06/HSST	17/03/2020	149	04/06/2020	Chủ động	30.200	-	30.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/05/2023	23/06/2020	23/06/2020	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
19	31/HSST	24/08/2020	43	16/11/2020	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	07/04/2023	08/08/2022	08/08/2022	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
20	49/HSST	14/06/2021	178	02/08/2023	Theo yêu cầu	80.000	-	80.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	28/07/2023	01/08/2023	01/08/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
21	54/HSST	22/06/2021	07	04/10/2021	Chủ động	123.586	-	123.586	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/11/2023	01/06/2022	01/06/2022	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
22	54/HSST	22/06/2021	10	04/10/2021	Chủ động	57.500	-	57.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/07/2023	04/08/2023	04/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
23	10/QĐC NHGT-DS	22/08/2022	194	10/10/2023	Theo yêu cầu	10.345	-	10.345	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
24	18/QĐC NHGT-DS	22/08/2022	193	06/09/2022	Theo yêu cầu	126.107	-	126.107	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	25/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 7	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
25	78/HSST	30/08/2022	18	11/10/2023	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/02/2024	28/08/2023	28/08/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
26	50/HSST	30/08/2022	60	12/12/2022	Chủ động	582.700	-	582.700	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/03/2024	20/09/2023	20/09/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
27	70/HSST	25/08/2022	152	11/04/2023	Theo yêu cầu	89.152	-	89.152	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/08/2023	09/08/2023	09/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
28	29/HSST	17/08/2020	199	03/07/2023	Chủ động	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	24/07/2023	04/08/2023	04/08/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
29	06/QĐC NHGT-DS	10/08/2022	31	10/10/2023	Theo yêu cầu	367.479	-	367.479	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	31/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

30	10/QĐC NHGT- ĐS	22/08/2022	32	10/10/2023	Theo yêu cầu	13.646	-	13.646	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	09/01/2024	02/02/2024	02/02/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
31	02/QĐC NHGT- ĐS	08/12/2023	100	21/12/2023	Theo yêu cầu	16.680	6.000	10.680	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	12/07/2024	15/07/2024	15/07/2024	Lần 3	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
32	01/HSST	09/07/2016	62	03/01/2017	Theo yêu cầu	26.000	-	26.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	15/04/2024	04/07/2016	04/07/2016	Lần 12	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
33	17/2021/ HSST	02/02/2021	153	21/04/2025	Theo yêu cầu	30.000	2.000	28.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/09/2025	21/09/2025	21/09/2025	Lần 2	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
34	42/2025/ HSST	28/03/2025	160	19/05/2025	Chủ động	697	200	497	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/08/2025	20/08/2025	20/08/2025	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
35	45/2022/ HSST	09/08/2022	01	17/10/2022	Chủ động	24.175	2.175	22.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/11/2025	14/11/2025	17/11/2025	Lần 1	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
II.1	Khu vực 3	9	9	9	9	2.194.514	10.800	2.183.714	9	9	9	9	9	9	9	9
1	45/2023/ HSST	22/08/2023	40	20/12/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	27/06/2025	26/07/2024	26/07/2024	Lần 1	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	Kỳ
2	50/2025/ HSST	09/04/2025	163	05/06/2025	Chủ động	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	17/06/2025	24/06/2025	24/06/2025	Lần 1	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	Phương
3	42/2007/ HSPT	25/05/2007	0 5	05/06/2025	Theo yêu cầu	128.800	-	128.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/06/2025	24/06/2025	24/06/2025	Lần 1	Trần Văn Tùng	phòng THADS khu vực 3	Thành
4	791/2024 /HSPT	23/09/2024	67	02/01/2025	Chủ động	1.328.500	-	1.328.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	20/01/2025	01/04/2025	01/04/2025	Lần 1	Phan Đình Lâm	phòng THADS khu vực 3	Pháy
5	48/2024/ HSST	31/01/2024	118	03/04/2024	Chủ động	20.000	10.000	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	08/11/2024	13/11/2024	13/11/2024	Lần 8	Phan Đình Lâm	phòng THADS khu vực 3	Đức
6	01/2024/ QĐCNH CT ĐS	11/11/2024	154	03/06/2025	Theo yêu cầu	73.114	-	73.114	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	20/06/2025	13/08/2025	13/08/2025	Lần 2	Phan Đình Lâm	phòng THADS khu vực 3	Xiên
7	34/2012/ HSST	10/01/2012	61	19/03/2012	Chủ động	10.225	800	9.425	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/02/2013	13/08/2025	13/08/2025	Lần 4	Phan Đình Lâm	phòng THADS khu vực 3	San
8	3	14/04/2021	96	16/10/2025	Theo yêu cầu	590.000	-	590.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/02/2013	13/08/2025	13/08/2025	Lần 1	Lê Bá Linh	phòng THADS khu vực 3	Tuyền
9	12	20/01/2014	143	28/05/2014	Chủ động	3.875	-	3.875	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	19/02/2013	30/06/2014	30/06/2014	Lần 4	Lê Bá Linh	phòng THADS khu vực 3	Tả
II.1	Khu vực 4	9	9	9	9	2.056.453	12.000	2.044.453	9	9	9	9	9	9	9	
1	05	23/02/2023	30	06/01/2025	Theo yêu cầu	52.892	-	52.892	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	21/02/2025	25/02/2025	25/02/2025	Lần 2	Chu Gó Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
2	152	27/09/2023	130	07/03/2024	Theo yêu cầu	46.638	-	46.638	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/10/2024	26/04/2025	26/04/2025	Lần 4	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
3	04	28/11/2016	136	05/04/2024	Theo yêu cầu	206.148	-	206.148	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/03/2025	03/05/2024	03/05/2024	Lần 2	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
4	01	28/06/2023	137	02/08/2023	Chủ động	51.086	-	51.086	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/03/2025	03/05/2024	03/05/2024	Lần 2	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
5	16	06/12/2023	129	07/03/2024	Chủ động	99.999	12.000	87.999	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	13/02/2025	20/08/2024	20/08/2024	Lần 3	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
6	01	26/10/2023	74	04/12/2023	Chủ động	119.014	-	119.014	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	18/01/2024	20/03/2024	20/03/2024	Lần 4	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

7	152	27/09/2023	63	07/11/2023	Chủ động	157.795	-	157.795	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	14/10/2024	25/04/2024	25/04/2024	Lần 7	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
8	01	29/06/2023	03	04/10/2024	Theo yêu cầu	1	-	1	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/01/2025	01/08/2024	01/08/2024	Lần 8	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
9	01	29/06/2023	03	04/10/2023	Theo yêu cầu	1.322.880	-	1.322.880	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	02/10/2024	15/04/2024	15/04/2024	Lần 3	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

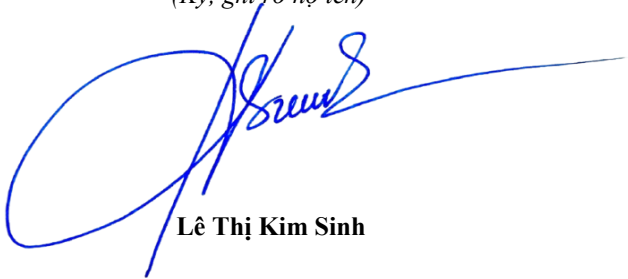
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

- Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
 - Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 11, 12,13,14,15
 - Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

[illegible]

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường

- Lưu ý:
- Ghi đầy đủ thông tin các cột có trong danh sách
 - Các cột sau đây nhập thủ công: 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 11, 12,13,14
 - Các cột sau đây là chọn theo danh sách có sẵn: 5, 9

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH LAI CHÂU

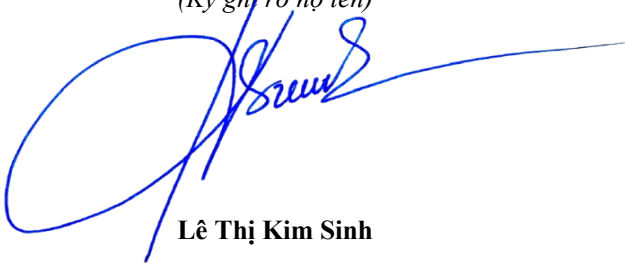
THỐNG KÊ THEO LÝ DO CHƯA THI HÀNH 03 THÁNG NĂM 2026

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Đang thi hành	256	65.655.774	2.259.675	63.396.099
1.1	Đang xác minh tài sản	255	65.558.704	2.254.275	63.304.429
1.2	Đang áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án	-	-	-	-
1.2.1	Phong tỏa tài khoản	-	-	-	-
1.2.2	Phong tỏa tài sản	-	-	-	-
1.2.3	Tạm giữ tài sản, giấy tờ	-	-	-	-
1.2.4	Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản	-	-	-	-
1.3	Đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án	1	97.070	5.400	91.670
1.3.1	Khấu trừ tiền trong tài khoản	-	-	-	-
1.3.2	Thu hồi, xử lý tiền	-	-	-	-
1.3.3	Thu hồi, xử lý giấy tờ có giá	-	-	-	-
1.3.4	Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	1	97.070	5.400	91.670
1.3.5	Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ	-	-	-	-
1.3.6	Khai thác tài sản của người phải thi hành án	-	-	-	-
1.3.7	Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ	-	-	-	-
1.3.8	Buộc chuyển giao quyền tài sản	-	-	-	-
1.3.9	Buộc chuyển giao giấy tờ	-	-	-	-
1.3.10	Buộc người phải thi hành án thực hiện công việc nhất định	-	-	-	-
1.3.11	Buộc người phải thi hành án không được thực hiện công việc nhất định	-	-	-	-
2	Hoãn thi hành án theo điểm c khoản 1 Điều 48	-	-	-	-
	Điểm c K1 Điều 48	-	-	-	-
3	Hoãn thi hành án (trừ điểm c khoản 1 Điều 48)	4	1.051.386	-	1.051.386
3.1	Điểm a K1 Điều 48	-	-	-	-
3.2	Điểm b K1 Điều 48	-	-	-	-
3.3	Điểm d K1 Điều 48	4	1.051.386	-	1.051.386
3.4	Điểm đ K1 Điều 48	-	-	-	-
3.5	Điểm e K1 Điều 48	-	-	-	-
3.6	Điểm g K1 Điều 48	-	-	-	-
3.7	Điểm h K1 Điều 48	-	-	-	-
3.8	Khoản 2 Điều 48	-	-	-	-
4	Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49	-	-	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-	-	-
5	Trường hợp khác	-	-	-	-
5.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-	-	-
5.2	Trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-	-	-
5.3	Trở ngại khách quan	-	-	-	-
6	Chưa có điều kiện thi hành án	86	64.313.100	561.315	63.751.785
6.1	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	86	64.313.100	561.315	63.751.785

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
6.2	Điểm b Khoản 1 Điều 44a	-	-	-	-
6.3	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	-	-	-	-
6.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-	-	-
7	TỔNG SỐ	346	131.020.260	2.820.990	128.199.270

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, ngày tháng 01 năm 2026

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hương

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

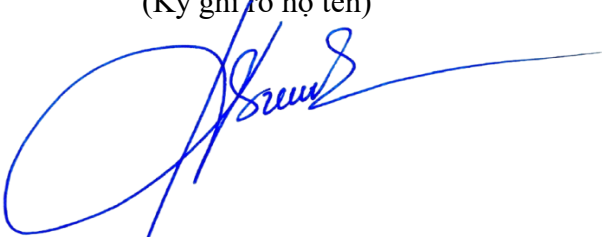
THỐNG KÊ THEO LOẠI VIỆC 03 THÁNG NĂM 2026

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Đang thi hành	256	65.655.774	2.259.675	63.396.099
1.1	Chủ động	130	3.150.487	731.343	2.419.144
1.2	Theo yêu cầu	126	62.505.287	1.528.332	60.976.955
2	Hoãn thi hành án theo điểm c khoản 1 Điều 48	-	-	-	-
2.1	Chủ động	-	-	-	-
2.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
3	Hoãn thi hành án (Trừ điểm c khoản 1 Điều 48)	4	1.051.386	-	1.051.386
3.1	Chủ động	2	49.113	-	49.113
3.2	Theo yêu cầu	2	1.002.273	-	1.002.273
4	Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
4.1	Chủ động	-	-	-	-
4.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
5	Trường hợp khác	-	-	-	-
5.1	Chủ động	-	-	-	-
5.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
6	Số chưa có điều kiện thi hành	86	64.313.100	561.315	63.751.785
6.1	Chủ động	41	49.845.945	25.775	49.820.170
6.2	Theo yêu cầu	45	14.467.155	535.540	13.931.615
9	TỔNG CỘNG	346	131.020.260	2.820.990	128.199.270

9.1	Chủ động	173	53.045.545	757.118	52.288.427
9.2	Theo yêu cầu	173	77.974.715	2.063.872	75.910.843

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên)



Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, ngày tháng 01 năm 2026

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trần Công Hường